

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

KHOA Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành/chuyên ngành: **Dược học**

Mã số: **7720201**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần: **TIN HỌC ỨNG DỤNG DƯỢC**

1.2. Mã học phần: **AIT1131**

1.3. Số tín chỉ: **02 (1 LT/1 TH)**

1.4. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): **Bắt buộc**

1.5. Điều kiện tham gia học phần:

- Học phần tiên quyết:

- Học phần học trước:

- Học phần song hành:

1.6. Các giảng viên phụ trách HP:

Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Văn Minh

Các giảng viên cùng giảng dạy: Phạm Thu Thuận

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về tin học ứng dụng trong lĩnh vực dược học. Nội dung học phần bao gồm: biểu diễn công thức hóa học và các biểu thức toán học – vật lý; sử dụng các phần mềm văn phòng để soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình bày nội dung chuyên ngành; thực hành một số phần mềm hỗ trợ tra cứu thông tin thuốc, quản lý số liệu và phân tích thống kê trong dược học. Học phần đồng thời rèn luyện cho người học khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
CO 1	Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng trong lĩnh vực dược, bao gồm biểu diễn công thức hóa học, biểu thức toán – lý, và sử dụng phần mềm văn phòng cơ bản.	PLO2	3/6
CO 2	Trang bị khả năng vận dụng các phần mềm chuyên dụng trong dược học để thu thập, xử lý và phân tích số liệu phục vụ hoạt động chuyên môn.	PLO7	3/5
CO 3	Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả, khoa học và có trách nhiệm, góp phần nâng cao hiệu quả học tập và làm việc trong lĩnh vực dược.	PLO10	4/5
CO 4	Hình thành ý thức tự học, chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và cập nhật kiến thức chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp lâu dài	PLO11	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần TIN HỌC ỨNG DỤNG DƯỢC đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho học phần TIN HỌC ỨNG DỤNG DƯỢC			CLOs HP TIN HỌC ỨNG DỤNG DƯỢC				
Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PLO2	Vận dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên, y dược học vào việc nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.	3/6	CLO1 [1.2.1.1]	Trình bày được kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng, biểu diễn công thức hóa học và các biểu thức toán học, vật lý.	I, T	3/6	Chương 1-2
			CLO2 [1.2.1.2]	Mô tả được vai trò và ứng dụng của tin học trong các lĩnh vực của dược học như tra cứu, tính toán, trình bày dữ liệu.	I, T	3/6	Chương 3-5
PLO 7	Có kỹ năng tư vấn, xây dựng và triển khai kế hoạch về các hoạt động liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho cán bộ y tế, người bệnh, cộng đồng trong việc lựa	3/5	CLO3 [1.2.1.3]	Sử dụng được các phần mềm văn phòng để soạn thảo văn bản, lập bảng tính và trình bày thông tin chuyên ngành.	T, U	3/6	Chương 1-2 Bài 1, 7
			CLO4 (2.2.1.1)	Thực hiện được các thao tác xử lý, lưu trữ, phân tích và minh	T, U	3/5	Chương 3-5 Bài 1-7

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho học phần TIN HỌC ỨNG DỤNG DƯỢC			CLOs HP TIN HỌC ỨNG DỤNG DƯỢC				
	chọn, sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý.			họa số liệu y dược bằng công cụ tin học.			
PLO 11 [3.1.1]	Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Có khả năng tự học tập và phát triển chuyên môn cao hơn.	4/5	CLO5 [3.1.1.1]	Chủ động cập nhật và ứng dụng các phần mềm tin học mới trong học tập và công việc chuyên môn.	U	4/5	Chương 1-5 Bài 1-7

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các chương cho việc đạt các CLOs

PLOs được phân nhiệm	PLO2		PLO7		PLO11
CLOs Bài giảng	Kiến thức ngành		Kỹ năng bổ trợ chuyên ngành		
	1	2	3	4	5
Chương 1	X		X		X

Chương 2	X		X		X
Chương 3		X		X	X
Chương 4		X		X	X
Chương 5		X		X	X
Bài 1			X	X	X
Bài 2			X	X	X
Bài 3			X	X	X
Bài 4			X	X	X
Bài 5			X	X	X
Bài 6			X	X	X
Bài 7			X	X	X

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR HP được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi học trên	CLO1,5	10	Điểm danh trên lớp	Các buổi học

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR HP được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
	lớp				
Thái độ học tập	Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp và bài tập về nhà	CLO1,5	10	Thông qua các hoạt động trên lớp	Các buổi học
A1.2. Kiểm tra định kỳ					
	Bài kiểm tra 1	CLO1,2,3,4	10	Tự luận	Chương 1 – 2
	Bài kiểm tra 2	CLO1,3,4,5	10	Tự luận	Chương 3-5
	Bài kiểm tra 3	CLO _{3,4,5}	10	Thực hành	Bài 1 - 7
A2. Đánh giá cuối kỳ					
	Thi cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50	Bài tập lớn/Thi trên máy	Theo lịch thi của phòng QLĐT

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CĐR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO2		PLO7		PLO11
CLOs Bài giảng	Kiến thức ngành		Kỹ năng bổ trợ chuyên ngành		
	1	2	3	4	5

A1.1					X
A1.2	X	X	X	X	
A2	X	X	X	X	

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần: TIN HỌC ỨNG DỤNG DƯỢC

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1. Trình bày cấu trúc phân tử bằng phần mềm ISIS-Draw 2.5	3	CLO _{1,3,4,5}	Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.1; A1.2; A2
2	Chương 2. Trình bày biểu thức toán lý	3	CLO _{1,3,4,5}	Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.1; A1.2; A2
3	Chương 3. Giới thiệu chương trình SPSS 12.0	3	CLO _{1,3,4,5}	Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.1; A1.2; A2
4	Chương 4. Phân tích thống kê mô	3	CLO _{1,3,4,5}	Thuyết trình tích cực,	- Mang theo tài liệu học	A1.1;

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	tả			nêu vấn đề, thảo luận nhóm	tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.2; A2
5	Chương 5. Trắc nghiệm giả thuyết đơn giản	3	CLO _{1,3,4,5}	Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.1; A1.2; A2
Thực hành						
6	Bài 1. ISIS-Draw 2.5: Trình bày cấu trúc phân tử hai chiều	4	CLO _{3,4,5}	Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.1; A1.2; A2
7	Bài 2. MS-Equation 3.0: trình bày thao tác toán lý	4	CLO _{3,4,5}	Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.1; A1.2; A2
8	Bài 3. SPSS 12.0: thao tác căn bản	4	CLO _{3,4,5}	Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.1; A1.2; A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
9	Bài 4. SPSS 12.0: so sánh 2 phương sai F-test	4	CLO _{3,4,5}	Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.1; A1.2; A2
10	Bài 5. SPSS 12.0: so sánh 2 giá trị trung bình T-test	4	CLO _{3,4,5}	Thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép. - Đọc trước tài liệu và thảo luận các nội dung bài học	A1.1; A1.2; A2
11	Bài 6. SPSS 12.0: so sánh ANOVA 1 và 2 yếu tố	5	CLO _{3,4,5}	Thuyết trình, làm mẫu, kèm cặp, giải đáp, tổng kết	Nghe, ghi bài, quan sát, thực nghiệm, hỏi, viết báo cáo.	A1.1; A1.2; A2
12	Bài 7. Giới thiệu phần mềm tối ưu hóa	5	CLO _{3,4,5}	Thuyết trình, làm mẫu, kèm cặp, giải đáp, tổng kết	Nghe, ghi bài, quan sát, thực nghiệm, hỏi, viết báo cáo.	A1.1; A1.2; A2
	Tổng	30				

7. Học liệu

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
-----------	--------------------	---------------	---	--

	Giáo trình chính			
1	Bộ môn Tin học, Trường Đại học Dược Hà Nội	2020	Giáo trình Tin học ứng dụng trong Dược học	NXB Y học
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Trần Văn Lộc	2017	Tin học đại cương (dành cho khối ngành y dược)	NXB Giáo dục

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà C	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến phần mềm họp trực tuyến Zoom, ...	01	Chương 1 – 10
2	Phòng thực hành sản xuất thuốc	Cân phân tích, bếp điện, máy khuấy từ, nồi cách thủy, dụng cụ thủy tinh, bộ chiết	Đầy đủ	Bài 1 - 4

		Soxhlet, thiết bị kết tinh – lọc – sấy,		
--	--	---	--	--

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ	50%

	yêu cầu.		Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể, biết thiết kế trên video	
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	<30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
			nghiệm từ các thành viên khác của nhóm	nghiệm từ các thành viên khác của nhóm	khác của nhóm	

Rubric 4: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử	Không có bài tập Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận sử dụng trong bài tập rõ ràng, hợp lý. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận logic sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ	30%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
	dụng trong bài không phù hợp.	trong bài không phù hợp.	chính tả, nhầm lẫn ghi chú)		thể, hợp lý.	
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	50%

Hải Dương, ngày..... tháng.....năm 2021

Trưởng khoa

Người biên soạn

GS.TSKH. Phùng Khắc Cam

Nguyễn Văn Minh